

Thứ tư, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index trở lại sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/9/2023		●	
Tuần 18/09-22/09/2023		●	
Tháng 09/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có diễn biến tích cực trong cả ngày hôm nay. VN-Index kết phiên tại mốc 1,226.11 điểm, tăng gần 15 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Bất động sản, theo sau là Hóa chất, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường cần trải qua một giai đoạn tích lũy ngắn hạn trong vùng 1,210 – 1,225 để có bật tăng hồi phục trở lại. Mai là phiên đảo hạm hợp đồng tương lai, thị trường có thể gặp biến động. Việc thanh khoản suy giảm trong những phiên hồi phục cũng tiềm ẩn rủi ro.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/9/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+14.61** điểm, đóng cửa **1226.11** điểm. HNX-Index **+4.6** điểm, đóng cửa **254.82** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.77)**, **VHM (+1.5)**, **GVR (+0.83)**, **BID (+0.64)**, **NVL (+0.62)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.47)**, **VNM (-0.31)**, **SSB (-0.18)**, **PGV (-0.14)**, **VCB (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,028** tỷ đồng, giảm **-10.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **20,374** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **18.35** điểm. Thị trường có **419** mã tăng, **63** mã tham chiếu, **91** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-225.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-178.97 tỷ)**, **MWG (-99.56 tỷ)**, **GVR (-46.94 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.1** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +1.50%**. Các mã diễn biến tích cực: **NLG (+4.92%)**, **KDH (+4.41%)**, **GVR (+3.59%)**
- BSC50 +2.59%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVT (+6.98%)**, **ANV (+6.95%)**, **NVL (+6.94%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Tài nguyên Cơ bản	2.03%	Y tế	-0.11%
Hóa chất	1.56%	Thực phẩm và đồ uống	-0.37%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.39%	Ngân hàng	-0.58%
Công nghệ Thông tin	1.39%	Bất động sản	-0.67%
Bán lẻ	1.16%	Truyền thông	-0.77%
Xây dựng và Vật liệu	1.03%	Ô tô và phụ tùng	-0.84%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.69%	Bảo hiểm	-1.30%
Dầu khí	0.59%	VNMID	0.43%
Du lịch và Giải trí	0.17%	VN30	0.15%
Dịch vụ tài chính	0.06%	VNSML	0.14%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.02%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1226.11**
Giá trị: 18028.36 tỷ **14.61 (1.21%)**
Khối ngoại (ròng): -225.91 tỷ

HNX-INDEX **254.82**
Giá trị: 1691.24 tỷ **4.6 (1.84%)**
Khối ngoại (ròng): -3.1 tỷ

UPCOM-INDEX **93.35**
Giá trị: 733.2 tỷ **0.28 (0.3%)**
Khối ngoại (ròng): -20.66 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	94.7	0.32%
Giá vàng	1,931	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	24,310	-0.31%
Tỷ giá EUR/VND	25,998	-0.19%
Tỷ giá JPY/VND	164	-0.54%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	0.36%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.07%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	67.93	HPG	-178.97
VIC	47.13	MWG	-99.56
VCI	39.84	GVR	-46.94
VHM	28.29	VNM	-37.77
DGW	25.77	GEX	-36.74

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	91.65	0.19%	3.17%	14.39%	10.05%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	94.73	0.32%	2.90%	12.65%	7.83%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.66	-1.24%	-2.33%	4.33%	11.36%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.83	3.78%	3.22%	3.22%	-64.31%		
TTF Gas	EUR/MWh	36.78	6.69%	6.00%	-9.81%	-81.07%		
Vàng	Ounce	1,930.61	-0.13%	0.91%	1.94%	16.08%		PNJ
Bạc	Ounce	23.20	-0.15%	0.39%	-0.65%	20.12%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,315.50	-0.09%	-2.30%	-3.40%	-11.04%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.36	-0.05%	0.38%	6.25%	-7.69%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	141.40	0.00%	-0.98%	9.87%	5.68%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	27.44	1.22%	2.27%	17.27%	50.85%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	432.50	1.76%	1.76%	17.69%	-49.97%		DPM, DCM
Niken	LB	19,616.00	-0.29%	-3.14%	-1.26%	-20.12%		PC1
Đồng	LB	3.72	-0.56%	-0.84%	0.06%	5.82%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	3.00%	42.40%	16.17%		CSV
Thép	CNY/ton	3,832.00	0.42%	2.65%	4.56%	-1.16%		HPG
Nhôm	Ton	2,217.00	-0.14%	0.93%	3.40%	-1.27%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 19/9, dầu thô Brent tăng 0.32% lên 94.73 USD/thùng, trước đó giá đã đạt 95.96 USD/thùng, cao nhất kể từ tháng 11/2022. Dầu WTI tăng 0.19% lên 91.65 USD/thùng trước đó đạt 93.74 USD/thùng, cũng cao nhất kể từ tháng 11/2022.
- Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong 10 tháng trước khi đóng cửa giảm do các nhà đầu tư chốt lời sau 3 phiên tăng liên tiếp.

Giá vàng

- Vàng giao ngay ổn định tại 1,930.79 USD/ounce sau khi lên mức cao nhất kể từ ngày 5/9 trong phiên này. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa không đổi tại 1,953.7 USD/ounce.
- Giá vàng giữ gần mức cao nhất hai tuần, mặc dù giá biến động trong phạm vi hẹp do tập trung chuyển sang cuộc họp chính sách của Fed để cập nhật về triển vọng lãi suất và dự báo kinh tế.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa giảm 0.69% xuống 862.5 CNY (118.19 USD)/tấn sau khi giảm 0.2% trong phiên liền trước.
- Giá quặng sắt tiếp tục giảm do nguồn cung trong nước lớn và những lo ngại kéo dài về nhu cầu trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản sụt giảm.

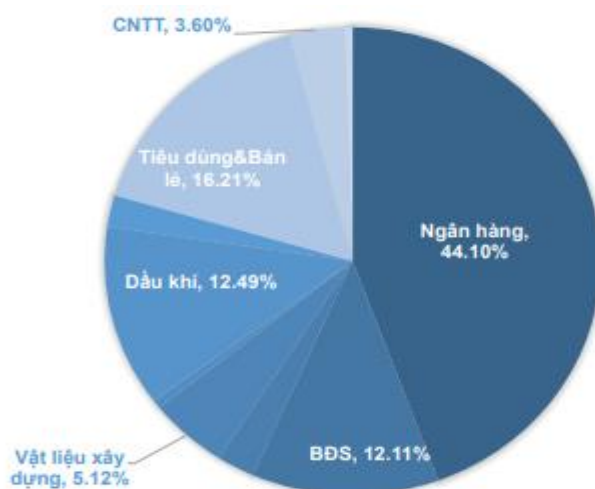
Giá hàng hóa khác

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 đóng cửa tăng 0.33 US cent hay 1.2% lên 27.44 US cent/lb, giá đã đạt đỉnh tại 27.59 US cent trong ngày 15/9. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 tăng 4.1 USD hay 0.6% lên 740 USD/tấn.
- Thị trường này vẫn được củng cố bởi lo ngại thời tiết khô hạn hơn thường lệ bởi hiện tượng El Nino có thể làm giảm sản lượng ở Ấn Độ và Thái Lan. Các đại lý cho biết các nhà máy đường tại Brazil đang ưu tiên xuất khẩu đường trắng nhờ giá thế giới cao, làm giảm nguồn cung trong nước và đẩy giá lên cao.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	88.0	-0.1%	0.9	20,182	2.8	5,532	15.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	45.7	1.1%	0.8	9,486	1.3	3,972	11.5	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.1	6,033	12.8	1,793	12.2	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	34.4	1.3%	1.6	4,958	4.8	5,442	6.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	1.1%	1.5	4,108	7.0	3,445	5.6	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.2	-0.2%	1.2	2,572	14.4	3,006	11.1	31,200	24.4%	Link
GVR	BDS KCN	23.1	3.6%	1.9	3,792	6.2	677	34.1	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	36.2	2.8%	1.6	1,139	15.9	4,326	8.4	42,500	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	49.5	1.6%	1.7	670	7.5	3,578	13.8	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	53.0	2.9%	1.8	975	2.9	2,580	20.5	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.4	0.9%	2.1	6,776	31.0	(326)	-87.1	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	50.7	2.7%	1.1	9,059	9.4	10,326	4.9	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	28.1	1.8%	1.0	2,620	4.5	1,588	17.7	38,900	32.1%	Link
KDH	BDS	35.5	4.4%	1.8	1,044	2.4	1,268	28.0	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	38.4	4.9%	1.7	604	5.5	1,294	29.6	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	95.9	3.3%	1.9	1,494	13.6	10,627	9.0	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	39.5	1.0%	1.0	634	4.6	6,392	6.2	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	34.8	-0.1%	1.4	757	6.0	4,283	8.1	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	109.0	-0.9%	0.6	8,560	1.9	6,659	16.4	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	40.4	1.3%	0.9	2,106	1.8	2,063	19.6	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	39.2	0.8%	1.0	769	8.4	1,930	20.3	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.0	1.3%	1.1	616	3.4	460	58.7	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	12.8	0.4%	0.9	1,230	1.9	579	22.1	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	78.3	-0.8%	0.4	6,715	5.9	3,920	20.0	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	79.7	0.9%	1.3	4,680	7.6	690	115.6	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	55.8	0.5%	1.8	3,349	15.6	1,069	52.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	82.7	1.8%	0.7	1,113	2.0	5,503	15.0	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	84.0	3.6%	1.0	632	5.8	6,986	12.0	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	66.1	2.8%	0.5	830	4.8	7,252	9.1	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	98.5	0.1%	0.6	5,133	9.9	4,301	22.9	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.0	-0.20%	1.1	6,320	8.8	3,548	9.0	1.4	27.2%	16.3%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.7%	1.1	3,578	4.9	3,742	6.0	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.8	0.8%	0.8	2,119	6.4	2,738	6.5	1.3	20.0%	23.9%
LPB	Ngân hàng	15.4	1.0%	1.3	1,616	1.4	1,694	9.1	1.6	3.9%	19.9%
VIB	Ngân hàng	21.0	1.4%	1.2	2,186	4.8	3,469	6.1	1.7	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	25.2	2.0%	1.9	1,262	26.5	489	51.7	2.1	23.6%	4.8%
TPB	Ngân hàng	19.5	2.4%	1.0	1,762	11.4	2,895	6.7	1.3	28.8%	20.9%
SSI	chứng khoán	36.4	0.7%	1.5	2,242	34.3	999	36.5	2.4	46.1%	7.9%
CII	Xây dựng	22.6	3.4%	1.6	263	6.2	153	147.8	9.1	8.5%	3.0%
C4G	Xây dựng	14.8	1.4%	1.9	0	1.1	474	31.2	2.1	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	72.0	2.1%	2.0	220	3.0	182	394.7	0.7	43.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	18.0	1.7%	1.6	243	5.9	875	20.6	1.1	4.8%	3.9%
LCG	Xây dựng	14.6	2.8%	2.1	114	4.7	478	30.5	1.1	3.1%	6.0%
BCM	KCN	70.0	2.9%	0.7	2,973	0.7	521	134.3	4.1	2.7%	7.6%
HUT	KCN	25.8	4.0%	1.4	945	3.3	56	456.8	6.3	2.0%	1.3%
PHR	KCN	53.2	6.6%	1.4	296	3.1	6,526	8.2	2.1	15.4%	24.4%
SZC	KCN	40.2	4.0%	1.8	198	3.7	1,405	28.6	3.0	3.0%	9.0%
HSG	Vật liệu	23.2	0.7%	2.4	585	7.9	(2,114)	-11.0	1.4	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	14.8	1.7%	1.5	232	0.3	176	84.4	1.2	3.6%	3.0%
NKG	Vật liệu	22.8	0.7%	2.5	247	7.5	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.3	0.2%	1.0	160	1.4	5,299	11.0	1.4	17.4%	15.6%
KSB	Vật liệu	33.0	3.8%	1.7	103	2.2	1,482	22.2	1.3	3.0%	6.5%
NVL	BDS	18.5	6.9%	1.5	1,480	30.5	(270)	-68.5	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	23.1	4.3%	2.7	578	22.3	(318)	-72.5	1.0	18.5%	3.4%
HDC	BDS	35.8	6.9%	1.0	198	3.9	2,189	16.4	2.6	2.0%	20.6%
DIG	BDS	28.3	3.3%	2.4	708	19.2	154	183.7	2.2	5.6%	2.1%
IJC	BDS	16.2	2.5%	2.1	167	1.1	1,597	10.1	1.1	5.7%	12.1%
BSR	Dầu khí	21.8	-0.5%	1.4	0	6.8	4,437	4.9	1.3	0.4%	29.6%
PVT	Dầu khí	28.4	7.0%	0.8	376	8.2	2,742	10.3	1.1	13.5%	15.1%
PLC	Vật liệu	36.6	1.1%	1.6	121	0.2	1,353	27.0	2.3	1.2%	9.4%
DRC	Săm lốp	23.6	3.3%	1.2	115	0.6	1,981	11.9	1.6	11.5%	14.4%
REE	Tiện ích	64.3	1.3%	0.7	1,078	2.5	6,116	10.5	1.4	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	24.5	1.2%	1.8	856	19.4	(4)	-6355.8	1.1	11.9%	4.2%
NT2	Tiện ích	27.0	0.9%	0.6	318	0.6	2,560	10.5	1.7	15.3%	21.4%
HDG	Bất động sản	31.5	2.4%	1.8	395	3.0	2,605	12.1	1.5	23.8%	22.8%
PC1	Tiện ích	32.4	0.2%	1.6	359	4.0	974	33.2	1.6	5.6%	6.2%
GEG	Tiện ích	15.0	0.3%	1.1	209	0.5	640	23.4	0.9	45.9%	6.2%
BCG	Tiện ích	11.6	3.6%	2.5	255	4.4	(165)	-70.6	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	80.5	1.9%	0.1	4,237	1.7	3,478	23.1	4.2	62.3%	21.8%
QNS	F&B	52.2	0.6%	0.5	0	3.1	4,965	10.5	2.4	16.2%	19.5%
FRT	Bán lẻ	89.2	2.5%	1.6	499	3.7	(356)	-250.8	7.6	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	62.6	3.8%	2.3	429	6.5	2,959	21.2	4.7	23.6%	24.7%
DBC	F&B	25.4	4.5%	2.0	252	5.9	551	46.1	1.3	5.9%	3.2%
PET	Bán lẻ	30.4	3.4%	2.4	133	1.2	834	36.4	1.7	1.4%	6.3%
BAF	F&B	21.0	1.9%	1.1	124	1.0	1,222	17.2	1.7	0.1%	12.1%
ANV	Thủy sản	39.2	6.9%	1.9	214	8.1	2,162	18.2	2.0	3.9%	20.8%
VSC	Logistics	31.6	2.4%	0.3	173	2.0	1,262	25.0	1.3	3.2%	10.7%
HAH	Logistics	39.5	2.9%	1.3	171	7.0	5,908	6.7	1.4	4.1%	35.9%
CTR	Công nghệ	83.7	1.5%	1.5	393	1.1	4,238	19.7	5.8	9.7%	29.4%
TNG	Dệt may	22.6	6.6%	1.7	105	5.5	2,616	8.6	1.6	21.5%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639